

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 625/2023/HS-PT

Ngày: 18/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Lê Thị Mai.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1081/2022/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Quỳnh C1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 285/2022/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Nguyễn Văn T1;** giới tính: Nam; sinh năm 1990 tại Hà Nội; nơi ĐKKHKT và cư trú hiện nay: thôn V1, xã V1, huyện Đ1, thành phố Hà Nội; chỗ ở (khi phạm tội): số 12 ngõ 138 T2, xã T2, huyện T3, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn B1 và con bà Nguyễn Thị T4; có vợ Nguyễn Quỳnh C1, sinh năm 1994 (là bị cáo trong cùng vụ án); có 02 con (01 con chung với C1 và 01 con riêng), con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa.

2. Nguyễn Quỳnh C1, giới tính: Nữ; sinh ngày 01/4/1994 tại Hà Nội; nơi ĐKKHKT: Tổ 27B, phường K1, quận H1, Hà Nội; chỗ ở (khi phạm tội): số 12 ngõ 138 đường T2, xã T2, huyện T3, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Tổ 25 K2, phường K1, quận H1, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Xuân C2 và con bà Nguyễn Thị H2; có chồng Nguyễn Văn T1 (là bị cáo trong cùng vụ án); có 02 con (01 con chung với T1 và 01 con riêng) con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1:**

- Luật sư Nguyễn Văn Q1- Công ty luật TNHH BH thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (do gia đình bị cáo mời). Vắng mặt.

- Luật sư Lê Thị Hải Y1 - Công ty Luật TNHH LY thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (do Tòa án chỉ định). Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quỳnh C1:** Luật sư Lê Thị Hải Y1 - Công ty Luật TNHH LY thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (do Tòa án chỉ định). Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị Hương L1 và bị hại Ngân hàng Y không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1,2 tỷ đồng tại Ngân hàng Y - CN Z của Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Quỳnh C1.

Năm 2018 Nguyễn Văn T1 (Có lý lịch nêu trên) có nhu cầu vay vốn ngân hàng để mở quán café nhưng không có tài sản thế chấp. Qua bạn bè giới thiệu, Nguyễn Văn T1 quen biết người đàn ông tên X (*không biết họ và tên đệm, ở Thanh Hóa, số điện thoại 0963576929, gọi tắt là X Thanh Hóa*) nhận làm giúp hồ sơ vay tiền Ngân hàng. X (Thanh Hóa) nói với T1 muốn làm hồ sơ vay ngân hàng, T1 phải tìm người chưa từng vay tiền ngân hàng để đứng tên trên một số giấy tờ, mọi thủ tục về hồ sơ để X (Thanh Hóa) lo, với điều kiện nếu vay được

tiền, X (Thanh Hóa) được hưởng từ 30 - 35% giá trị khoản vay và vay bằng hình thức thế chấp hồ sơ mua bán xe ô tô. Tại thời điểm này, Nguyễn Văn T1 đang có lịch sử nợ xấu tại Ngân hàng Agribank, ngân hàng BIDV nên Nguyễn Văn T1 đã nhờ bạn gái khi đó là Nguyễn Quỳnh C1 và nhờ em trai C1 là Nguyễn Văn T5, sinh năm: 1995 đứng tên một số thủ tục theo hướng dẫn của X (Thanh Hóa).

Trên thực tế Nguyễn Văn T5 và Nguyễn Quỳnh C1 không đứng tên sở hữu xe ô tô. Để có tài sản thế chấp Ngân hàng vay tiền, X (Thanh Hóa) đã cùng Nguyễn Văn T1, Nguyễn Quỳnh C1 tạo dựng hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng Y - CN Z thể hiện: Nguyễn Quỳnh C1 mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Lexus RX350, BKS: BKS: 30A - 699.79 của Nguyễn Văn T5 với giá 2.800.000.000 đồng. Sau đó Nguyễn Quỳnh C1 được đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô LEXUS RX350, BKS: 30A - 699.79; mang số 025431 do Phòng Cảnh sát giao thông CATP Hà Nội cấp ngày 28/3/2018. Nguyễn Quỳnh C1 đã thế chấp chiếc xe ô tô này cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe trên cho Ngân hàng Y - chi nhánh Z vay số tiền 1.200.000.000 đồng để trả cho anh Nguyễn Ngọc L2 (sinh năm: 1989, trú tại: số 14, tổ 4, khu H3, thị trấn M1, huyện M2, TP Hà Nội) là người cho Nguyễn Quỳnh C1 vay số tiền 1.200.000.000 đồng để C1 mua xe ô tô. Cụ thể:

Cuối tháng 3/2018, X (Thanh Hóa) đưa cho Nguyễn Văn T1 một tập hồ sơ mua bán xe ô tô, X (Thanh Hóa) hướng dẫn Nguyễn Văn T1 các vị trí trên hồ sơ để về đưa cho C1 và T5 ký tên, điểm chỉ. Sau đó, T1 đến khu vực gần trường Đại học SS Hà Nội nhờ T5 ký xác nhận và điểm chỉ vào các bản hợp đồng. Khi đưa tài liệu cho T5 ký hộ, T1 không nói cho T5 biết mục đích T1 sử dụng các tài liệu này vào việc gì. Do T1 là anh ruột nên T5 đã ký giúp T1. Sau khi T5 ký xác nhận và điểm chỉ theo yêu cầu của T1, T1 đưa tập hợp đồng này cho Nguyễn Quỳnh C1 ký. Nguyễn Quỳnh C1 biết rõ giữa C1 và T5 không có việc mua bán xe ô tô nhưng để giúp T1 vay được tiền ngân hàng, C1 đã ký Hợp đồng mua bán xe theo hướng dẫn của T1 (thời điểm này C1 và T1 sắp kết hôn). Ngoài ra, T1 còn nhờ T5 xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của T5, mượn giấy tờ tùy thân của T5 và C1 để C1 đứng tên hồ sơ vay tại Ngân hàng Y – chi nhánh Z. Sau khi T5 và C1 ký hoàn thiện toàn bộ giấy tờ, T1 đưa lại cho X (Thanh Hóa).

Để hoàn tất thủ tục mua bán xe ô tô, ngày 20/3/2018, công chứng viên Đào Duy H4, sinh năm: 1975, HKTT: thôn M3, xã HT, huyện H5, tỉnh Bắc Giang được một người quen tên là D1 (làm việc tại Ngân hàng V, không biết địa

chỉ) gọi điện nhờ công chứng một hợp đồng mua bán xe ô tô. D1 trao đổi có người tên X (số điện thoại: 0963576929) sẽ gửi ảnh chụp các giấy tờ gồm: giấy tờ tùy thân của Nguyễn Văn T5 và Nguyễn Quỳnh C1, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Nguyễn Văn T5, sổ đăng kiểm xe ô tô, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của T5 qua tài khoản Zalo của H4. Căn cứ vào giấy tờ H4 nhận được qua Zalo, H4 yêu cầu nhân viên văn phòng công chứng soạn thảo hợp đồng. Ngày 27/3/2018, tại Văn phòng Công chứng BV, công chứng viên Đào Duy H4 đã chứng nhận Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 27/3/2018, công chứng số 582 có nội dung: Bên bán Nguyễn Văn T5 là chủ sở hữu xe ô tô BKS: 30A – 699. 79 có Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 049342 do Phòng CSGT – CA Hà Nội ngày 15/12/2018 mang tên Nguyễn Văn T5, đăng ký lần đầu ngày 25/01/2015. Đặc điểm xe nhãn hiệu LEXUS, số loại RX350, màu trắng, số máy 317194, số khung 2T2ZK1BAOFC120756, bán cho Nguyễn Quỳnh C1 với giá 2,8 tỷ đồng. Hợp đồng được đóng dấu của Văn phòng công chứng BV, trên hợp đồng có chữ ký, điểm chỉ của C1 và T5. Ngày hôm sau, người tên X liên hệ với H4 để lấy các bản gốc hợp đồng.

Sau đó, Nguyễn Văn T1 cùng Nguyễn Quỳnh C1 đến ngân hàng Y - chi nhánh Z để hỏi làm thủ tục vay tiền. Tại quầy giao dịch, Nguyễn Thị Hương L1 (sinh năm: 1990, trú tại: số 14, tổ 4, khu H3, thị trấn M1, huyện M2, TP Hà Nội) là chuyên viên khách hàng cá nhân của Ngân hàng Y - chi nhánh Z là người tiếp nhận và có trách nhiệm thẩm định hồ sơ vay vốn của Nguyễn Quỳnh C1.

2. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng của Nguyễn Thị Hương L1.

Theo Quy trình số 3326 ngày 05/4/2016 về việc cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp siêu nhỏ tại Ngân hàng Y; Quyết định 3563 ngày 12/4/2017 về việc ban hành quy định cho vay mua ô tô linh hoạt dành cho khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam: “...Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ khách hàng theo danh mục hồ sơ quy định; Thẩm định khách hàng: ... trong mọi trường hợp Chuyên viên phải thẩm tra thực tế nơi ở, nơi làm việc, địa điểm sản xuất kinh doanh của khách hàng, tài sản đảm bảo của khách hàng...Trường hợp thẩm định thực tế tài sản đảm bảo, chuyên viên có thể liên hệ với Bộ phận thẩm định giá để cùng tham gia định giá tài sản bảo đảm”. Khi L1 tiếp nhận hồ sơ đã thấy C1 chụp ảnh chiếc xe ô tô trên trang facebook cá nhân của C1 và được C1 bàn giao Giấy chứng nhận đăng ký

xe ô tô LEXUS RX350, BKS: 30A - 699.79 mang tên Nguyễn Quỳnh C1 do Phòng Cảnh sát giao thông CATP Hà Nội cấp ngày 28/3/2018 với số đăng ký 025431. L1 tin tưởng C1 có xe ô tô thật nên Nguyễn Thị Hương L1 đã vi phạm quy định của Ngân hàng, không kiểm tra trực tiếp tài sản đảm bảo là xe ô tô của Nguyễn Quỳnh C1. L1 biết Nguyễn Quỳnh C1 vay vốn Ngân hàng để kinh doanh quán café, không phải để mua xe ô tô. Để giúp cho Nguyễn Quỳnh C1 hợp thức phương án vay vốn Ngân hàng, Nguyễn Thị Hương L1 đã soạn thảo Giấy vay tiền ngày 26/3/2018 với nội dung: Bên cho vay là Nguyễn Ngọc L2 (trú tại: số 14, tổ 4, khu H3, thị trấn M1, huyện M2, TP Hà Nội), bên vay tiền là Nguyễn Quỳnh C1 với số tiền vay là 1,2 tỷ đồng, mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu LEXUS, model RX350, BKS: 30A – 699. 79. Thời gian vay 60 ngày kể từ ngày 26/5/2017. Sau đó, L1 đã ký giả chữ ký của Nguyễn Ngọc L2 (là chồng của L1) và chuyển Giấy vay tiền này cùng những giấy tờ khác như đơn xin vay vốn... để Nguyễn Quỳnh C1 ký hoàn thiện thủ tục vay vốn.

Sau khi hoàn thiện quy trình tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, Nguyễn Thị Hương L1 chuyển thông tin của khách hàng và thông tin về tài sản đảm bảo đến Trung tâm định giá của Ngân hàng Y. Anh Trương Quang D1 (sinh năm: 1975, trú tại: thôn M3, xã HT, huyện H5, tỉnh Bắc Giang) là cán bộ Trung tâm định giá của Ngân hàng Y được giao nhiệm vụ thẩm định và định giá tài sản đảm bảo của Nguyễn Quỳnh C1. Anh D1 đã gọi điện thoại cho Nguyễn Quỳnh C1 để hẹn địa điểm, thời gian kiểm tra, định giá xe nhưng nghe điện thoại là một người đàn ông hẹn lịch với anh D1. Tại địa điểm hẹn để kiểm tra, định giá xe là cổng trường Đại học TVTG (khu vực quận G1, Hà Nội), không có mặt Nguyễn Quỳnh C1, anh D1 gặp một người đàn ông và không biết về mối quan hệ với khách hàng Nguyễn Quỳnh C1 (không nhớ đặc điểm nhận dạng, không biết thông tin về người đàn ông này) mang xe đến để anh D1 kiểm tra. Quá trình kiểm tra xe, anh D1 chụp ảnh nội thất, ngoại thất xe, so sánh, đối chiếu giấy tờ pháp lý, chụp ảnh số khung của xe (do quy định chỉ yêu cầu chụp ảnh số khung hoặc số máy). Anh D1 thấy đăng ký xe ô tô LEXUS RX350, BKS 30A-699.79 mang tên Nguyễn Quỳnh C1 phù hợp với đặc điểm xe ô tô nên đã hoàn thiện việc kiểm tra xe ô tô. Đối với việc định giá tài sản, anh D1 thực hiện theo hình thức tham khảo giá của 3 sản phẩm tương đương trên thị trường, sau đó lấy giá trị trung bình, nhập dữ liệu vào phần mềm của ngân hàng và phần mềm đưa ra giá trị của tài sản là 2.685.000.000 đồng.

Sau khi các thủ tục vay vốn đã hoàn thiện, X (Thanh Hóa) hẹn Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Quỳnh C1 ngày 18/4/2018 đến Ngân hàng Y - chi nhánh Z để ký hợp đồng vay và nhận tiền giải ngân. Tại Ngân hàng, Nguyễn Thị Hương L1 đã hướng dẫn Nguyễn Quỳnh C1 ký với Ngân hàng Y - chi nhánh Z các Hợp đồng tín dụng số: 140 ngày 18/4/2018; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 140 và Khế ước nhận nợ số 01 với nội dung: Ngân hàng Y - chi nhánh Z cho vay số tiền 1.200.000.000 đồng để hoàn trả tiền mua xe ô tô. Tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu LEXUS RX350, số khung 2T2ZK1BA0FC120756; số máy: 317194; BKS: 30A-699.79 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025431 do Phòng Cảnh sát giao thông CATP Hà Nội cấp ngày 28/3/2018 cho Nguyễn Quỳnh C1, trị giá tài sản đảm bảo theo định giá: 2.685.000.000 đồng.

Trong cùng ngày 18/4/2018, sau khi Nguyễn Quỳnh C1 ký Khế ước nhận nợ, Ngân hàng Y - chi nhánh Z đã giải ngân số tiền 1.200.000.000 đồng vào tài khoản số 10900472498 mang tên Nguyễn Ngọc L2 mở tại Ngân hàng Y - chi nhánh Z. Nguyễn Ngọc L2 đã làm thủ tục rút số tiền 1.200.000.000 đồng từ tài khoản và đưa lại cho Nguyễn Thị Hương L1. Nguyễn Thị Hương L1 khai đã đưa lại toàn bộ số tiền này cho Nguyễn Quỳnh C1, Nguyễn Văn T1 và được T1, C1 đưa lại cho số tiền 17.000.000 đồng để cảm ơn.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 285/2022/HS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Quỳnh C1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58, 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T1 và C1 (áp dụng thêm điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với C1).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 08 năm tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo Nguyễn Quỳnh C1 07 năm tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Hương L1, trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/8/2022, bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Quỳnh C1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm trách nhiệm bồi thường dân sự.

Tại đơn kháng cáo của bị cáo T1 trình bày: Bị cáo T1 nhận mình là chủ mưu vì do thời điểm đó bị cáo C1 đang có bầu nên bị cáo nhận cho C1 để C1 không phạm tội. Trên thực tế bị cáo không biết gì về việc vay vốn, tất cả các thủ tục vay vốn do C1 thực hiện, bị cáo chỉ giúp C1 là giới thiệu T5 là em trai bị cáo T1 để hai bên ký hợp đồng, đưa C1 đến Ngân hàng để C1 làm thủ tục vay vốn và rút tiền. Bị cáo không biết C1 thực hiện hành vi lừa đảo như thế nào. Thời điểm C1 vay tiền Ngân hàng bị cáo đang bị nợ xấu nên không vay được. C1 liên lạc nhờ X (Thanh Hoá) muốn vay tiền Ngân hàng, về C1 nói chuyện bị cáo mới biết. Việc C1 vay tiền bị cáo giúp C1 đưa giấy tờ (hồ sơ vay vốn của C1 cho L1 và cùng C1 đến Ngân hàng nhận tiền giải ngân, đi cùng C1 gặp T5 để đưa hồ sơ cho T5 ký hồ sơ mua bán ô tô.

Tại đơn kháng cáo của bị cáo C1 trình bày: Việc làm các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng do X (Thanh Hóa) giới thiệu và làm thủ tục vay vốn cho C1. Bị cáo không bàn bạc với Nguyễn Văn T1 về việc vay tiền.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và xác định vai trò của bị cáo T1 cao hơn bị cáo C1 là đúng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đến nhân thân, quá trình khai báo, hoàn cảnh gia đình để xử phạt Nguyễn Văn T1 08 năm tù, Nguyễn Quỳnh C1 07 năm tù là đúng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết gì mới để làm căn cứ giảm hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị HĐXX bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Quan điểm bào chữa của luật sư: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường khắc phục thiệt hại dân sự một phần. Trong vụ án này xuất phát từ việc cần vốn để làm ăn, buôn bán, có nhu cầu vay vốn ngân hàng để mở quán café nhưng lại không có tài sản thế chấp và tại thời điểm này, Nguyễn Văn T1 đang có lịch sử nợ xấu tại Ngân hàng Agribank, Ngân hàng BIDV nên T1 đã nhờ bạn gái khi đó là C1 và nhờ em trai là Nguyễn Văn T5 đứng tên một số thủ tục theo hướng dẫn của X (Thanh Hóa). Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mục đích vay tiền của bị cáo không có mục đích chiếm đoạt và đã trả cho ngân hàng, lý do vì dịch Covid các

bị cáo không làm ăn buôn bán được nên chưa trả được nợ, ngoài ra các bị cáo hiện cũng rất khó khăn, các con còn nhỏ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội, của Điều tra viên, Kiểm sát viên, thẩm phán, thư ký trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đơn kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng cáo của các bị cáo đều trong hạn và đúng thủ tục luật định, đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về việc vắng mặt các bị cáo tại phiên tòa: Đây là lần thứ hai Tòa án mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, các bị cáo đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do con của các bị cáo bị ốm, nhưng không gửi kèm giấy xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền, do đó lý do các bị cáo đưa ra không thuộc trường hợp bất khả kháng, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo: Về việc các bị cáo cho rằng trong vụ án chỉ có bị cáo C1 thực hiện việc làm thủ tục thế chấp vay tiền của ngân hàng tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Quỳnh C1 đã khai: quá trình điều tra các bị cáo không bị bức cung, ép cung hay bị dùng nhục hình để phải khai báo nội dung như tại cơ quan điều tra, mà do các bị cáo tự nguyện khai ra. Việc các bị cáo thay đổi lời khai là không có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân, mặc dù Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Quỳnh C1 không đứng tên đăng ký sở hữu xe ô tô Lexus RX350, BKS: biển số: 30A - 699.79 nhưng T1 đã có hành vi gian dối, bàn bạc với C1 để C1 đứng tên ký khống giúp T1 hợp đồng mua bán xe ô tô giữa Nguyễn Văn T5 với Nguyễn Quỳnh C1 để C1 hoàn thiện thủ tục vay vốn ngân hàng. Sau đó, C1 đã sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 025431 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 28/3/2018 mang tên Nguyễn Quỳnh C1 cho xe ô tô Lexus RX350, BKS: biển

số: 30A - 699.79 thế chấp ngân hàng để ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 1,2 tỷ đồng và chiếm đoạt số tiền này cùng Nguyễn Văn T1 sử dụng chung.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, người làm chứng, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo T1 và C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a, khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.1] Trước khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cũng đã xem xét:

- Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã khắc phục thiệt hại nên áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo C1 khi phạm tội đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi hiện tại đang có thai nên áp dụng điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đã khắc phục ½ thiệt hại nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt. Bị cáo T1 và C1 hiện tại có quan hệ vợ chồng cùng đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để xem xét quyết định hình phạt là có căn cứ, đúng quy định.

[2.2] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Quỳnh C1 vay Ngân hàng 1.200.000.000đ đến nay còn nợ lại 484.836.246 đồng nợ gốc chưa trả nên các bị cáo cùng liên đới có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền này.

[3]. Các tình tiết mà người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Quỳnh C1 nêu ra tại phiên tòa hôm nay đều là những tình tiết đã được xem xét tại phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, các bị cáo không đưa ra thêm được những chứng cứ, tình tiết đặc biệt nào mới để xem xét giảm

nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Quỳnh C1; Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 285/2022/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Quỳnh C1 đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng: Điểm a, khoản 4, Điều 174; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58, 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T1 và C1;

Áp dụng: Điểm n khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với C1;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 8 (tám) năm tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quỳnh C1 7 (bảy) năm tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự:

Bị cáo T1 và C1 liên đới trả cho Ngân hàng Y 484.836.246 đồng chia theo phần mỗi bị cáo phải trả 242.418.123 đồng.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Quỳnh C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Sở tư pháp thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng